TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2026/DS-ST
Ngày: 31-3-2026
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Phan Diệu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Quang Đầy;

Ông Nguyễn Quốc Thống.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Công là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Cà Mau.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2026/TLST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2026 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2026/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Minh P, sinh năm 1990; Căn cước công dân số: 096090005677, được cấp ngày 19/8/2021 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp F, xã S, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1963; Căn cước công dân số: 096063000864, được cấp ngày 10/5/2021 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Ô, xã Đ, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn, ông Trần Minh P trình bày:***

Ngày 05/12/2023, ông Trần Minh P có cho ông Nguyễn Văn N vay số tiền 27.000.000 đồng, lãi suất thoả thuận, thời gian vay từ ngày 05/12/2023 đến ngày 05/12/2024, có làm 02 biên nhận vay tiền, ông Nguyễn Văn N có ký tên và ghi rõ họ và tên vào biên nhận. Đến nay, ông N không đóng lãi và không trả vốn theo thoả thuận. Ông P có đòi nhiều lần nhưng ông N chỉ hứa hẹn mà không trả nợ.

Nay ông Trần Minh P yêu cầu ông Nguyễn Văn N thanh toán số tiền vốn vay còn nợ là 27.000.000 đồng; về lãi suất tính từ ngày 05/12/2023 đến ngày 08/12/2025 bằng 12.101.400 đồng, tổng cộng 39.101.400 đồng.

**** Đối với bị đơn – Ông Nguyễn Văn N:*** Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn theo quy định mà ông N không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc ông P yêu cầu thanh toán nợ vay. Đồng thời, Tòa án đã tống đạt hợp lệ 02 lần Thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng ông Nguyễn Văn N vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

** Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Trần Minh P khởi kiện buộc ông Nguyễn Văn N thanh toán tiền vay còn nợ nên xác định đây là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; ông Nguyễn Văn N cư trú tại ấp Ô, xã Đ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện khu vực 5 - Cà Mau quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2025).

Ông Trần Minh P có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt vì bận công việc, điều kiện đi lại khó khăn, yêu cầu này của ông P là chính đáng và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông Nguyễn Văn N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên xét xử vắng mặt ông N theo quy định điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án.

Năm 2023, ông Trần Minh P cho ông Nguyễn Văn N vay tiền đến nay ông N vẫn không thanh toán cho ông P nên các bên xảy ra tranh chấp.

Xét yêu cầu của nguyên đơn.

Ngày 05/12/2023, ông Trần Minh P có cho ông Nguyễn Văn N vay số tiền 27.000.000 đồng, lãi suất thoả thuận, thời gian vay từ ngày 05/12/2023 đến ngày 05/12/2024; giữa các bên có làm 02 biên nhận vay tiền, biên nhận thứ nhất vay 16.000.000 đồng, biên nhận thứ hai vay 11.000.000 đồng, ông Nguyễn Văn N đều có ký tên và ghi rõ họ và tên vào các biên nhận. Nay ông Trần Minh P buộc ông Nguyễn Văn N thanh toán số tiền vốn vay 27.000.000 đồng, thấy rằng: Hợp đồng vay tiền giữa các bên có lập thành văn bản, thời gian vay từ ngày 05/12/2023 đến ngày 05/12/2024. Quá trình giải quyết vụ án ông N không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của ông P, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định "*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*". Như vậy, hợp đồng vay tài sản

giữa ông Trần Minh P với ông Nguyễn Văn N thực sự xảy ra và mặc nhiên được ông Nguyễn Văn N thừa nhận.

Về lãi suất: Ông Trần Minh P yêu cầu ông Nguyễn Văn N thanh toán lãi suất tính từ ngày 05/12/2023 đến ngày 08/12/2025 với mức 1,66%/tháng bằng 12.101.400 đồng; Ông N không có ý kiến đối với yêu cầu tính lãi của ông P và cũng không chứng minh việc thanh toán tiền vốn và lãi vì vậy cần buộc ông N thanh toán tiền lãi đối với khoản vay nêu trên. Tuy nhiên, qua xem xét hợp đồng vay tiền giữa các bên (biên nhận vay tiền) có đề "lãi suất thoả thuận" nhưng không thể hiện lãi suất cụ thể, mức lãi nguyên đơn yêu cầu (19,92%/năm) là vượt quá quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử điều chỉnh là 27.000.000 đồng x 10%/năm x 02 năm 03 ngày (từ ngày 05/12/2023 đến ngày 08/12/2025) bằng 5.420.000 đồng (tính tròn).

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh P, buộc ông Nguyễn Văn N thanh toán cho ông P số tiền vay còn nợ tổng cộng là 32.420.000 đồng, trong đó tiền gốc là 27.000.000 đồng, tiền lãi 5.420.000 đồng (tính từ ngày 05/12/2023 đến ngày 08/12/2025) quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp ông Nguyễn Văn N chậm thanh toán khoản tiền nêu trên thì ông N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thanh toán tại thời điểm thi hành án.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh P đối với khoản tiền lãi yêu cầu ông Nguyễn Văn N thanh toán là 6.681.400 đồng.

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu của ông P được chấp nhận; ông Trần Minh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu của ông không được chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 147, 220, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 463, 466 của Bộ luật dân sự; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh P, buộc ông Nguyễn Văn N có trách nhiệm thanh toán cho ông Trần Minh P số tiền vay còn nợ là 32.420.000 đồng *(Ba mươi hai triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng),* trong đó tiền gốc là 27.000.000 đồng, tiền lãi 5.420.000 đồng (tính từ ngày 05/12/2023 đến ngày 08/12/2025).

Kể từ ngày ông Trần Minh P có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp ông Nguyễn Văn N chậm thanh toán cho ông P số tiền nêu trên thì hàng tháng ông N còn phải chịu thêm khoản lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thanh toán tại thời điểm thi hành án.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh P đối với ông Nguyễn Văn N về khoản tiền lãi là 6.681.400 đồng.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%.

Ông Nguyễn Văn N phải chịu án phí là 1.621.000 đồng.

Ông Trần Minh P phải chịu án phí là 334.000 đồng. Ngày 05 tháng 01 năm 2026, ông P đã nộp tạm ứng án phí số tiền 977.535 đồng tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0000019 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, sau khi đối trừ, ông P được nhận lại 643.535 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc tống đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện khu vực 5 – Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 5 – Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Diệu Hiền